

Bản án số: 61/2018/HSST

Ngày: 05-10-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Túy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Hạnh
2. Ông Trần Văn Hoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Văn Tiến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Đức.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức tham gia phiên tòa:
Bà Ngô Thị Hồng Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 54/2018/TLST-HS ngày 31 tháng 8 năm 2018, đối với bị cáo Nguyễn Văn T, sinh năm 1987 tại Bà Rịa-Vũng Tàu; hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hoá: 11/12; con ông Nguyễn Văn B và bà Lý Thị R; vợ là chị Phạm Thị Yến T; bị cáo có 02 người con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2017.

Tiền sự: Không;

Tiền án: Có 01 tiền án; ngày 21-12-2015, bị Tòa án nhân dân huyện C xử phạt 07 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo đang tại ngoại cho đến ngày xét xử.

(Bị cáo Nguyễn Văn T có mặt tại phiên tòa).

- Bị hại:

1. Chị Nguyễn Thị Trúc L, sinh năm 1983 (có mặt).
2. Chị Nguyễn Thị Mỹ T, sinh năm 1996 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người đại diện theo ủy quyền của chị L và chị T là ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1956. Địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lưu Bình T, sinh năm 1983 (có mặt).
2. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1974 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Khu phố A, thị trấn N, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

3. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1956 (có mặt).

4. Bà Lý Thị R, sinh năm 1959 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn T là con ruột của ông Nguyễn Văn B. Vào khoảng tháng 12 năm 2016, chị Nguyễn Thị Trúc L và chị Nguyễn Thị Mỹ T đều là con gái ông B có gửi 02 chiếc xe mô tô tại nhà ông B gồm xe mô tô hiệu Yamaha – Sirius, màu vàng đen, biển số 72X3 – 2721 (xe của chị L) và chiếc xe mô tô hiệu Yamaha – Nozza, màu đỏ, biển số 72F1-259.14 (là xe của chị T). Vào buổi trưa một ngày giữa tháng 12 năm 2016, do không có tiền tiêu xài nên Nguyễn Văn T đã lấy trộm 01 chiếc xe mô tô Sirius biển số 72X3 – 2721 của chị L rồi chạy lên xã Xà Bang, huyện Châu Đức nhờ một người tên T (không rõ họ tên, địa chỉ) mang đi cầm được 6 triệu đồng. Sau đó 01 thời gian (không nhớ rõ ngày), do thiếu tiền tiêu xài nên Nguyễn Văn T tiếp tục lấy trộm 01 chiếc xe mô tô hiệu Yamaha – Nozza, biển số 72F1-259.14 của chị T, sau đó T chạy xe xuống thị trấn N cầm chiếc xe trên cho ông Lưu Bình T được 7.000.000 đồng. Số tiền 13.000.000 đồng T có được do cầm hai chiếc xe T đã tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 24-4-2018, ông Nguyễn Văn B, chị Nguyễn Thị Trúc L và Chị Nguyễn Thị Mỹ T đã làm đơn tố cáo hành vi phạm tội của bị cáo đến Cơ quan Công an. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Đức đã triệu tập T lên làm việc. Tại đây bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên (Bút lục 26-39).

Tại biên bản kết luận định giá tài sản số 79/HĐĐG ngày 26-5-2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện Châu Đức kết luận: Chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu vàng – đen, biển số 72X3 – 2721 có giá trị 8.700.000 đồng và 01 chiếc xe mô tô hiệu Yamaha – Nozza, màu đỏ, biển số 72F1 – 259.14 có giá trị 21.420.000 đồng. Tổng giá trị thiệt hại là 30.120.000 đồng (Bút lục số 23-24)

Đối với hành vi của Lưu Bình T đã nhận cầm của T chiếc xe mô tô hiệu Yamaha – Nozza, màu đỏ, biển số 72F1 – 259.14 với giá 7.000.000 đồng. Quá trình làm việc xác định, khi T mang xe đến tiệm cầm đồ của T để cầm, lúc đầu T không đồng ý nhận cầm chiếc xe vì không có giấy chứng nhận đăng ký xe. Khi đó T gọi điện thoại cho Nguyễn Văn Đ nói với ông T để ông T tin tưởng nhận cầm xe cho T. Do trước đây Đ thấy T nhiều lần sử dụng chiếc xe này nên Đ tin tưởng là xe của T nên đã nói chuyện với ông T, ông T tin tưởng nên đã đồng ý cầm với giá 7.000.000 đồng. Cả ông Đ và ông T đều không biết đó là xe bị cáo trộm cắp của gia đình. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Đức không xử lý Lưu Bình T và Nguyễn Văn Đ về tội “Chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại Điều 323 BLHS. Ngày 10-8-2018, Công an huyện Châu Đức đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Lưu Bình T về hành vi “Nhận cầm cố tài sản mà theo quy định tài sản đó phải có giấy tờ sở hữu nhưng không có các loại giấy tờ đó” quy định tại điểm d, khoản 2, Điều 11 Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12-11-2013 của Chính Phủ (Bút lục số 54-72).

Về trách nhiệm dân sự:

Chị Nguyễn Thị Trúc L và Chị Nguyễn Thị Mỹ T do ông Nguyễn Văn B là người đại diện theo ủy quyền không yêu cầu bị cáo phải bồi thường trách nhiệm dân sự.

Ông Lưu Bình T yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền 7.000.000đồng mà ông T đã bỏ ra cầm chiếc xe mô tô biển số 72F1 – 259.14.

Vật chứng vụ án:

- 01 chiếc xe mô tô hiệu Yamaha – Sirius, màu vàng – đen, biển số 72X3 – 2721, sau khi trộm được bị cáo nhờ một người tên T (không xác định được họ tên, địa chỉ) mang đi cầm. Hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Đức không thu hồi được.

- 01 chiếc xe mô tô hiệu Yamaha – Nozza, màu đỏ, biển số 72F1 – 259.14, sau khi trộm được bị cáo đem cầm cho anh Lưu Bình T. Ngày 07-6-2018, ông T đã giao nộp lại chiếc xe trên. Đây là tài sản của Chị Nguyễn Thị Mỹ T. Ngày 06-8-2018, chị L và chị T đã làm đơn ủy quyền cho ông Nguyễn Văn B tham gia giải quyết vụ án trên nên ngày 10-8-2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Đức đã trả lại chiếc xe trên cho ông B (Bút lục số 51)

Tại bản Cáo trạng số 55/CT-VKS ngày 30-8-2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội: “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội: “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 15 (mười lăm) tháng đến 20 (hai mươi) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn T đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức truy tố, không tranh tụng tại phiên tòa và xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Châu Đức, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời nhận tội của bị cáo Nguyễn Văn T tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa đủ cơ sở kết luận: Vào tháng 12 năm 2016, tại nhà ông Nguyễn Văn B thuộc Thôn T, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; bị cáo Nguyễn Văn T đã có hành vi lén lút lấy trộm

01 xe mô tô hiệu Yamaha – Sirius, màu vàng đen, biển số 72X3 – 2721 của chị Nguyễn Thị Trúc L trị giá 8.700.000đồng, sau đó bị cáo tiếp tục lên lút trộm thêm được 01 chiếc xe mô tô hiệu Yamaha – Nozza, màu đỏ, biển số 72F1 – 259.14 của chị Nguyễn Thị Mỹ T trị giá 21.420.000đồng. Tổng giá trị tài sản bị cáo trộm cắp được là 30.120.000đồng nên hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999.

[3] Đối chiếu quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 với Bộ luật hình sự năm 2015 thì tội “trộm cắp tài sản” theo điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 có hình phạt cao nhất là 20 năm tù là điều luật nhẹ hơn so với Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 có hình phạt cao nhất là tù chung thân. Căn cứ điểm b khoản 1; điểm h khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự; khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 nên phải áp dụng Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 là “điều luật quy định một hình phạt nhẹ hơn”. Vì vậy, hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[4] Bị cáo Nguyễn Văn T là người đã trưởng thành, có đủ nhận thức và hiểu biết hành vi trộm cắp tài sản là phạm tội nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người thân mà còn làm mất trật tự trị an địa phương. Sự cần thiết phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội đồng thời mới đáp ứng được yêu cầu đấu tranh, giáo dục và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, khi lượng hình cũng cần xem xét đến tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của bị cáo để quyết định cho bị cáo một mức hình phạt phù hợp.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo; bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên đây là những tình tiết giảm nhẹ cần áp dụng cho bị cáo.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có 01 tiền án; ngày 21-12-2015, bị Tòa án nhân dân huyện C xử phạt 07 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo mới chấp hành xong hình phạt vào ngày 14-3-2016 chưa được xóa án tích thì đến tháng 12-2016 tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm, trong vụ án này bị cáo thực hiện 02 lần phạm tội, mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên điều đó cho thấy bị cáo không ăn năn hối cải là những tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm g, h khoản 1 Điều 52 BLHS.

Như vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 để quyết định cho bị cáo một hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện.

[5] Đối với hành vi của anh Lưu Bình T đã nhận cầm của bị cáo chiếc xe mô tô hiệu Yamaha – Nozza, màu đỏ, biển số 72F1 – 259.14 và hành vi của ông Nguyễn Văn Đ tạo sự tin tưởng để ông T cầm xe. Cả ông Đ và ông T đều không biết đó là xe bị cáo trộm cắp của gia đình nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an

huyện Châu Đức không xử lý Lưu Bình T và Nguyễn Văn Đ về tội “Chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại Điều 323 BLHS. Ngày 10-8-2018, Công an huyện Châu Đức đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Lưu Bình T về hành vi “Nhận cầm cố tài sản mà theo quy định tài sản đó phải có giấy tờ sở hữu nhưng không có các loại giấy tờ đó” quy định tại điểm d, khoản 2, Điều 11 Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12-11-2013 của Chính Phủ (Bút lục số 54-72).

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Chị Nguyễn Thị Trúc L và Chị Nguyễn Thị Mỹ T do ông Nguyễn Văn B là người đại diện theo ủy quyền không yêu cầu bị cáo phải bồi thường trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Anh Lưu Bình T yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền 7.000.000đồng mà ông T đã bỏ ra cầm chiếc xe mô tô biển số 72F1 – 259.14. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đồng ý trả lại cho anh Lưu Bình T số tiền 7.000.000đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng của vụ án:

- 01 chiếc xe mô tô hiệu Yamaha – Sirius, màu vàng – đen, biển số 72X3 – 2721, sau khi trộm được bị cáo nhờ một người tên T (không xác định được họ tên, địa chỉ) mang đi cầm. Hiện cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Đức không thu hồi được.

- 01 chiếc xe mô tô hiệu Yamaha – Nozza, màu đỏ, biển số 72F1 – 259.14, là tài sản hợp pháp của Chị Nguyễn Thị Mỹ T. Chị T đã ủy quyền cho ông Nguyễn Văn B tham gia giải quyết vụ án nên ngày 10-8-2018, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Đức đã trả lại chiếc xe trên cho ông B (Bút lục số 51) là phù hợp.

[7] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt Nguyễn Văn T 20 (hai mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt để thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo đồng ý trả lại cho anh Lưu Bình T số tiền 7.000.000đồng.

Về xử lý vật chứng của vụ án: Đã xử lý xong.

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

Hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày tuyên án (05-10-2018). Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo. Đối với bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt thì thời hạn này được tính kể từ

ngày Tòa án tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu;
- Sở Tư pháp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- PV27 Công an tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu;
- Công an huyện Châu Đức;
- VKSND huyện Châu Đức;
- Chi cục THADS huyện Châu Đức;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thanh Túy